

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/HC-ST

Ngày 29 – 12 - 2021

V/v khiếu kiện QĐHC trong lĩnh  
vực đất đai

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Ph

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Huy C

Ông Trần Xuân Th

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thúy H - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 9 năm 2021; ngày 12 tháng 10 năm 2021; ngày 22 tháng 10 năm 2021; ngày 29 tháng 10 năm 2021; ngày 29 tháng 11 năm 2021 và ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 08/2021/HCST ngày 12/3/2021 về việc Yêu cầu hủy Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 60/2021/QĐST-HC ngày 23 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Bà Lê Thị L, sinh năm 1975. Địa chỉ: Khối Vĩnh Mỹ, phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Đặng Minh Th, sinh năm 1953; Thường trú: Số 101, đường S, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt

**- Người bị kiện:**

1. Chủ T Ủy ban nhân V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Sỹ Ch, chức vụ Phó Chủ T UBND V. Có đơn đề nghị vắng mặt; Ông Ch cử bà Nguyễn Thị Thúy H, chuyên viên phòng Tài nguyên Môi trường tham gia phiên tòa. Bà H có mặt tại phiên tòa ngày 28/9/2021 và ngày 12/10/2021, vắng mặt các ngày tiếp theo và khi tuyên án;

2. Chủ T Ủy ban nhân dân v. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn

Hoàng M – Chủ T UBND V. Vắng mặt (Ngày 12/10 có công chức Địa chính tham dự)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị H , sinh năm 1967; địa chỉ: Khối Vĩnh Mỹ, phường V, thành V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt;

2. Bà Nguyễn Thị Ng , sinh năm 1978; địa chỉ: Khối Hải Nam, phường V, thị xã C, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt;

3. Bà Nguyễn Thị H , sinh năm 1983. Vắng mặt;

4. Ông Nguyễn Văn Th , sinh năm 1981; Vắng mặt;

5. Anh Nguyễn Ng Đ , sinh năm 1997. Vắng mặt;

6. Chị Nguyễn Thị Trà M , sinh năm 1994. Vắng mặt;

Bà H ông Th , (anh Đ , chị M là con bà L , ông Ch); đều có địa chỉ; khối Vĩnh Mỹ, phường V, thành V, tỉnh Nghệ An.

Bà H, bà Ng, bà Hợi, ông Th ủy quyền cho ông Trịnh Anh H , sinh năm 1952. Địa chỉ: Khối Vĩnh Mỹ, phường V thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An tham gia tố tụng. Ông H có mặt.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An, cử ông Phạm Anh T – Chuyên viên phòng đo đạc, bản đồ, viễn thám tham gia phiên tòa. Ông T đề nghị vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày ngày 06 tháng 11 năm 2020, bổ sung khởi kiện, quá trình giải quyết khiếu nại, các lời khai, đối thoại và tại phiên tòa bà Lê Thị L, người đại diện theo ủy quyền của bà L, người đại diện cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị H , ông Nguyễn Văn Th h, anh Đ , chị M trình bày: Bà Lê Thị L là vợ của ông Nguyễn Xuân Ch (ông Ch chết năm 2007) là con dâu của vợ chồng ông Nguyễn Xuân T (chết năm 2016) và bà Nguyễn Thị C (chết năm 1999). Trước khi vợ chồng bà L, ông Ch cưới nhau, năm 1972 bố chồng bà L (ông T ) đã dựng ngôi nhà lợp giấy dầu để ở, vợ chồng bà L tổ chức lễ cưới vào năm 1993. Ngôi nhà vợ chồng ở riêng được dựng trên thửa đất mà gia đình bên chồng (Ông Nguyễn Xuân T ) được giao đất và sử dụng ổn định từ năm 1968. Bản đồ năm 1993 xã V, thửa đất mang tên bố chồng bà L (Ông T ) được phản ánh tại thửa đất số 443 với diện tích 432m<sup>2</sup>, còn thửa đất của vợ chồng bà L sử dụng được phản ánh tại thửa số 444, với diện tích 520m<sup>2</sup>, có vị trí như sau: Bắc giáp đường tàu cũ; Nam giáp đất hoang và ruộng lúa; Đông giáp đất gia đình bà K; Tây giáp đất của bố chồng bà L là ông Nguyễn Xuân T. Lúc này, vợ chồng bà L còn trẻ, mới cưới nên không hiểu gì và cũng không để ý gì đến việc đất đai.*

Bản đồ công nghệ 2001, thửa đất 444 của bản đồ 1993 được tách thành 02 thửa; Thửa đất thứ nhất mang số hiệu 04 với diện tích 225,3m<sup>2</sup>. Trên thửa đất này có thể hiện vị trí ngôi nhà của gia đình bà L xây dựng năm 1993, ngoảnh mặt về hướng Đông, được ghi tên người sử dụng là Nguyễn Xuân Chiến (chồng bà L). Thửa đất thứ hai có số hiệu 05 với diện tích 250,3m<sup>2</sup> được ghi “ND” do UBND phường Vinh Tân quản lý. Thực chất 02 thửa đất số 443 và thửa đất số 444 bản đồ 1993 (nay là các thửa đất số 03, 04 và 05 bản đồ 2001) đều là đất có nguồn gốc do gia đình bố chồng bà L, ông Nguyễn Xuân T khai hoang, quản lý sử dụng từ năm 1968 đến nay, có vị trí: Bắc giáp đường tàu cũ; Nam giáp đất hoang và ruộng lúa; Đông giáp đất gia đình bà K; Tây giáp đất của gia đình ông Báu.

Trước đây, ông Nguyễn Xuân T bố chồng bà L có khiếu nại các quyết định trên, sau đó ông T chết vì bệnh tật, thì ông Nguyễn Văn Th (con ông T và là em chồng bà L) tiếp tục khiếu nại. Tháng 8 năm 2020, theo yêu cầu của Tòa án, bà L phải viết lời khai để giải quyết vụ kiện hành chính mà ông Th (Con ông T) là người khởi kiện. Lúc này, bà L mới biết là UBND thành phố Vinh đã có Quyết định số: 8572/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2017 giải quyết khiếu nại của Nguyễn Văn Th, con trai ông Nguyễn Xuân T. Cũng bởi vì, theo bản đồ 2001, thửa đất số 04 (mang tên chồng bà L, ông Nguyễn Xuân Chiến) và thửa đất số 05 đều được tách ra từ thửa đất số 444 bản đồ 1993, mà thửa đất số 04 đã được ghi nhận là đất của vợ chồng bà L, trên đó có ngôi nhà được xây dựng trước khi bà L về làm dâu năm 1993. Vì vậy, bà Lê Thị L khởi kiện, để đòi lại thửa đất số 05 cho gia đình; Vì cùng nội dung và là người có lợi ích trực tiếp liên quan và khi mà thửa đất số 05 được tách ra từ thửa đất 444 với diện tích 520m<sup>2</sup> được ghi nhận tại bản đồ 1993, thửa đất này là một phần của thửa đất thổ cư mà gia đình bà L đã sử dụng trước ngày 18/12/1980. Nay được UBND phường Vinh Tân và UBND V đo tách ra khỏi thửa đất của gia đình (số 03, 04) là thửa số 05 ghi là đất nghĩa địa.

Nay bà Lê Thị L khởi kiện vụ án hành chính với nội dung: Yêu cầu hủy toàn bộ nội dung Văn bản số 42/UBND-ĐC ngày 09/4/2015 của UBND phường Vinh Tân về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T; Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của Chủ T UBND phường V và Quyết định số 8572/QĐ-UBND ngày 29/11/2017 của Chủ T UBND V, tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại của Nguyễn Xuân T và ông Nguyễn Văn Th; Hủy một phần hồ sơ địa chính và một phần **tờ bản đồ năm 1993**, năm 2001 có liên quan đến thửa đất số 04, 05, tờ bản đồ 14 phường V, thành phố Vinh; công nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Nguyễn Xuân T.

*Đại diện theo ủy quyền của Chủ T Ủy ban nhân dân V trình bày: Hộ ông*

Nguyễn Xuân T (*bố đẻ của ông Nguyễn Văn Th, bố chồng bà Lê Thị L*) lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất ở của gia đình ông T và thửa đất số 05, tờ bản đồ số 14, tại khối Vĩnh Mỹ, phường Vĩnh Tân là của gia đình ông T. UBND phường Vĩnh Tân đã xác nhận thửa đất số 05, tờ bản đồ số 14, không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã có Công văn số 42/UBND-ĐC ngày 09/4/2015 trả lời ông Nguyễn Xuân T xác nhận đất nghĩa địa do UBND phường quản lý, không đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 03/5/2017, Chủ T UBND V ban hành Quyết định số: 119/QĐ-UBND *“Về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Nguyễn Xuân T, trú tại khối Vĩnh Mỹ, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An”*, trong đó khẳng định khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T là khiếu nại sai, vì: Theo phản ánh tại hồ sơ địa chính qua các thời kỳ và xác minh ý kiến khu dân cư khối Vĩnh Mỹ, phường V thì: Thửa đất số 05, tờ bản đồ số 14, thuộc khối V, phường V là đất nghĩa địa do UBND phường Vĩnh Tân quản lý từ trước đến nay. UBND phường V xác định thửa đất này không phải là đất của gia đình ông Nguyễn Xuân T. Do đó, căn cứ Điều 99, 100, 101 Luật Đất đai năm 2013 thì UBND phường V xác định thửa đất số 05, tờ bản đồ số 14, thuộc khối Vĩnh Mỹ, phường v không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Nguyễn Xuân T.

Ông Nguyễn Văn Th (*con trai ông Nguyễn Xuân T đã chết*), trú tại khối Vĩnh Mỹ, phường v không đồng ý Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của Chủ T UBND phường V *“về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Nguyễn Xuân T, trú tại khối Vĩnh Mỹ, phường v, thành v, tỉnh Nghệ An”* và có đơn tiếp tục khiếu nại gửi Chủ T UBND V. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, xác minh và làm việc với công dân có đơn khiếu nại, Chủ T UBND thành phố Vinh đã ban hành Quyết định số 8572/QĐ-UBND ngày 29/11/2017 giải quyết khiếu nại (lần 2) của ông Nguyễn Văn Th, trú tại khối Vĩnh Mỹ, phường Vĩnh Tân, quyết định:

+ Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của Chủ T UBND phường v về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Xuân T, trú tại khối Vĩnh Mỹ, phường v.

+ Giao UBND phường v quản lý thửa đất số 05, tờ bản đồ số 14, thuộc khối Vĩnh Mỹ, phường v theo đúng quy định của pháp luật

Vì vậy, Chủ T UBND thành phố v không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về việc hủy Quyết định số 8572/QĐ-UBND ngày 29/11/2017 và các yêu cầu khác.

*Chủ T UBND phường V, thành v trình bày:* Ủy ban nhân dân phường V nhất trí với quan điểm của Chủ T Ủy ban nhân dân V, tỉnh Nghệ An. Sau khi nhận được đơn khiếu nại của hộ gia đình ông Nguyễn Xuân T và ông Nguyễn Văn Th, UBND phường Vinh Tân đã tiến hành kiểm tra, xác minh và ban hành Công văn số 42/UBND-ĐC ngày 09/4/2015 trả lời ông Nguyễn Xuân T và ngày 03/5/2017, Chủ T UBND phường V ban hành Quyết định số 119/QĐ-UBND trả lời khiếu nại của ông Nguyễn Văn Th xác định: Diện tích đất liên quan đến việc khiếu nại của ông Nguyễn Văn Th con ông Nguyễn Xuân T là đất nghĩa địa do UBND phường Vinh Tân quản lý, không đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của Chủ T UBND phường Vinh Tân về việc giải quyết khiếu nại ông Nguyễn Văn Th (Con ông Nguyễn Xuân T) là đúng pháp luật. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L.

*Ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Hợi (Là các con của ông Nguyễn Xuân T), người đại diện theo ủy quyền của bà Ng, bà Hợi, bà H, ông Th đều thống nhất quan điểm với người khởi kiện bà Lê Thị L cho rằng:* Thửa đất số 05, tờ bản đồ số 14, tại khối Vĩnh Mỹ, phường V là của gia đình ông Nguyễn Xuân T, yêu cầu hủy Văn bản số 42/UBND-ĐC ngày 09/4/2015 của UBND phường v về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T; Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của Chủ T UBND phường Vinh Tân và Quyết định số 8572/QĐ-UBND ngày 29/11/2017 của Chủ T UBND thành phố Vinh về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) và hủy một phần hồ sơ địa chính và một phần **tờ bản đồ năm 1993**, năm 2001 có liên quan đến thửa đất số 04, 05, tờ bản đồ 14 phường Vinh Tân, thành phố Vinh; công nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Nguyễn Xuân T.

*Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An quá trình giải quyết vụ án trình bày (Tại Văn bản số 6797/STNMT-ĐĐBĐVT ngày 12/11/2021 và Văn bản số 7397/STNMT-ĐĐBĐVT ngày 03/12/2021):* Bản đồ xã Vinh Tân đo đạc năm 1993, thì các thửa đất 3, 4, 5 tờ số 14, thuộc tờ bản đồ địa chính năm 2001 có vị trí tương ứng các thửa đất 939, 990, tờ bản đồ năm 1993 có thể hiện ký hiệu đất nghĩa địa. Kết quả đo đạc bản đồ địa chính năm 2001 phù hợp với hiện trạng sử dụng đất tại thời điểm đo đạc và đảm bảo theo các quy định của nhà nước về thành lập bản đồ địa chính.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm: Việc tuân theo quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tài liệu, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đã mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại theo quy định của pháp luật; Người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện và chấp hành quyền, nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 30; Khoản 4 Điều 32; điểm a Khoản 3 Điều 116; điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015. Điều 17, 18, 28, 29, 30, 37, 38, 39 Luật khiếu nại; Điều 99, Điều 204 Luật đất đai năm 2013. Điều 348 Luật tổ tụng hành chính 2015; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L. Hủy Công văn số 42 ngày 09/4/2015 của UBND phường Vinh Tân; Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của Chủ T UBND phường Vinh Tân; Quyết định số 8572/QĐ-UBND ngày 29/11/2017 của Chủ T UBND thành phố Vinh; Hủy một phần hồ sơ địa chính và một phần **tờ bản đồ năm 1993**, năm 2001 có liên quan đến thửa đất số 04, 05, tờ bản đồ 14 phường Vinh Tân, thành phố Vinh.

Buộc người bị kiện phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định.

Về án phí: Buộc người bị kiện phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày, đối thoại của các đương sự, người đại diện theo ủy quyền của các đương sự đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về đối tượng khởi kiện: Văn bản số 42/UBND-ĐC ngày 09/4/2015 của UBND phường Vinh Tân về việc giải quyết đơn kiến nghị của ông Nguyễn Xuân T; Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của Chủ T UBND phường Vinh Tân và Quyết định số 8572/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Chủ T UBND thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại (lần 1, lần 2) của ông Nguyễn Xuân T và ông Nguyễn Văn Th, trú tại khối Vĩnh Mỹ, phường Vinh Tân và một phần hồ sơ địa chính và một phần tờ bản đồ năm 2001 có liên quan đến thửa đất số 04, 05, tờ bản đồ 14 phường Vinh Tân, thành phố Vinh là quyết định hành chính do người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước ban hành trong lĩnh vực quản lý đất đai, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo khoản 1 Điều 30 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Về thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ngày 06 tháng 11 năm 2020, bà Lê Thị L có đơn khởi kiện vụ án hành chính với nội dung: Yêu cầu hủy toàn bộ nội dung Văn bản số 42/UBND-ĐC ngày 09/4/2015 của UBND phường Vinh Tân về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T; Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của Chủ T UBND phường Vinh Tân và

Quyết định số 8572/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Chủ T UBND thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Thời điểm bà L biết được các Văn bản số 42, Quyết định số 119 và Quyết định số 8572, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của gia đình mình là vào tháng 8 năm 2020. Do đó các Văn bản số 42 ngày 09/4/2015, Quyết định số: 119/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của Chủ T UBND phường Vinh Tân và Quyết định số: 8572/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Chủ T UBND thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại (lần 1, lần 2) của ông Nguyễn Văn Th, trú tại khối Vĩnh Mỹ, phường Vinh Tân và một phần hồ sơ địa chính và một phần tờ bản đồ năm 2001 có liên quan đến thửa đất số 04, 05 tờ bản đồ 14 phường Vinh Tân, thành phố Vinh đang trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 116 Luật tố tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án hành chính là đúng khoản 4 điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[3] Xét tính hợp pháp của Văn bản số 42/UBND-ĐC ngày 09/4/2015 của UBND phường Vinh Tân về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T; Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của Chủ T UBND phường Vinh Tân và Quyết định số 8572/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Chủ T UBND thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An và một phần hồ sơ địa chính và một phần tờ bản đồ năm 2001 có liên quan đến thửa đất số 04, 05, tờ bản đồ 14 phường Vinh Tân, thành phố Vinh bị khởi kiện thấy rằng:

*[3.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành:*

Hộ ông Nguyễn Xuân T (Bố ông Nguyễn Văn Th) lập hồ sơ kê khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 05, tờ bản đồ số 14, tại khối Vĩnh Mỹ, phường Vinh Tân. UBND phường Vinh Tân đã có Công văn số 42/UBND-ĐC ngày 09/4/2015; không công nhận diện tích thửa đất là của gia đình ông T mà cho rằng, diện tích đất là đất Nghĩa địa do UBND phường quản lý. Ông Nguyễn Xuân T khiếu nại, Chủ T UBND phường Vinh Tân ban hành Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 về việc giải quyết khiếu nại (Lần đầu) của ông Nguyễn Xuân T, trú tại khối Vĩnh Mỹ, phường Vinh Tân, khẳng định khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T là khiếu nại sai. Ngày 24/01/2016 ông Nguyễn Xuân T chết, không đồng ý với các quyết định nêu trên, ông Nguyễn Văn Th (Con trai ông T) tiếp tục khiếu nại. Tại Quyết định số 8572/QĐ-UBND ngày 29/11/2017 Chủ T UBND thành phố Vinh về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của ông Nguyễn Văn Th, trú tại khối Vĩnh Mỹ, phường Vinh Tân là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66, điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai 2013. Do đó Văn bản số 42/UBND-ĐC ngày 09/4/2015 của UBND phường Vinh Tân về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T; Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 03/5/2017

của Chủ T UBND phường Vinh Tân và Quyết định số 8572/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Chủ T UBND thành phố Vinh An và một phần hồ sơ địa chính và một phần tờ bản đồ năm 2001 có liên quan đến thửa đất số 04, 05, tờ bản đồ 14 phường Vinh Tân, thành phố Vinh là đối tượng được xem xét trong vụ án hành chính.

[3.2] Về cơ sở pháp lý:

Về nguồn gốc, vị trí và quá trình sử dụng diện tích thửa đất liên quan đến khiếu kiện của bà Lê Thị L thấy rằng: Năm 1968 các hộ dân sơ tán đến khu đất làm nhà ở định cư, trong đó có gia đình ông Nguyễn Xuân T (bố ông Th và là bố chồng bà L). Năm 1993 ông Nguyễn Xuân Chiến (con ông T) cưới vợ là bà Lê Thị L, sau khi cưới, vợ chồng bà L, ông Chiến xây dựng nhà ở riêng trên khu đất. Tờ bản đồ năm 1993 xã Vinh Tân được phản ánh vùng đất liên quan đến khiếu kiện gồm; 04 thửa đất số 346, 349, 350, 364 liền kề nhau. Theo đó, thửa 346 diện tích 565m<sup>2</sup> (xác định là thửa đất gia đình ông Nguyễn Văn Báu sử dụng) đến thửa 349 diện tích 432m<sup>2</sup> (xác định gia đình ông Nguyễn Xuân T sử dụng) đến thửa số 350, diện tích 520m<sup>2</sup> (nay xác định 1 phần diện tích vợ chồng ông Chiến, bà L con ông T sử dụng) đến thửa số 520, diện tích 610m<sup>2</sup> (xác định gia đình bà Nguyễn Thị K sử dụng). Trong quá trình giải quyết khiếu nại, đối thoại và tại phiên tòa UBND phường Vinh Tân và UBND thành phố Vinh đều xác định; vùng đất có các thửa đất liên quan đến việc khiếu nại của gia đình ông Nguyễn Xuân T chỉ có tờ bản đồ năm 1993, không có bản đồ 299, không có sổ mục kê theo dõi, qui chủ sử dụng các thửa đất và cũng không có hồ sơ về đất đai liên quan các thửa đất và cũng không có hồ sơ về đất đai liên quan đến thực hiện Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ.

Quá trình đối thoại và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thúy Hằng chuyên viên phòng Tài nguyên môi trường – UBND thành phố Vinh là người được UBND thành phố Vinh giao làm tổ trưởng tổ xác minh phục vụ việc giải quyết khiếu nại ông Nguyễn Xuân T, xác định và thừa nhận; các hồ sơ liên quan đến thửa đất có liên quan đến khiếu nại của gia đình ông T chỉ có tờ bản đồ số năm 1993, Át lát các thửa đất ông Báu, ông T, bà K năm 1993 và các Biên bản xác nhận ranh giới các thửa đất năm 2001. Ngoài ra không có sổ mục kê, qui chủ sử dụng đất, không có bản đồ 299 và thửa đất số 350 (diện tích 520m<sup>2</sup>) theo tờ bản đồ 1993 không có qui chủ sử dụng. Đến năm 2001 thì UBND phường Vinh Tân mới lập hồ sơ, lập tờ bản đồ địa chính chỉnh lý và quy chủ thửa đất số 350, diện tích 520m<sup>2</sup> trước đây theo sổ mục kê năm 2001 thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 14, diện tích 250,3m<sup>2</sup> là đất Nghĩa địa do UBND phường quản lý.

Bà Hằng còn cho rằng; các tờ Át lát năm 1993 chỉ phản ánh các thửa đất có người sử dụng, còn thửa đất 350 (520m<sup>2</sup>) là đất hoang nên không phản ánh

trên át lát và cũng không qui chủ tổ chức, các nhân sử dụng. Tuy nhiên, căn cứ 03 tờ át lát phản ánh 03 thửa đất ông Nguyễn Văn Báu, ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị K thì 3 thửa đất này có ranh giới liền kề nhau, không có thửa đất 350, diện tích 520m<sup>2</sup> (trống hoang). Bà Hằng cũng xác định, tờ bản đồ do Trung tâm Công nghệ thông tin – Sở tài nguyên môi trường Nghệ An phản ánh các thửa 442 (nay ông Báu), thửa 443 (ông T), thửa 444 (không có át lát qui chủ) và thửa 529 (nay bà K) mà các tờ át lát các thửa đất năm 1993, do UBND phường Vinh Tân qui chủ, bà Hằng xác định UBND phường Vinh Tân, UBND thành phố Vinh không có lưu giữ và cũng không biết được tờ bản đồ này lập vào năm nào và thửa đất số 350 (444) diện tích 520m<sup>2</sup>, từ năm 2001 trở về trước UBND phường Vinh Tân không qui chủ sử dụng.

Bản đồ 1993 thể hiện thửa đất gia đình ông Th đang khiếu nại là thửa đất số 350 (thửa 444), diện tích 520,0m<sup>2</sup>, không ghi loại đất, vị trí phía Bắc giáp đường tàu cũ, phía Tây giáp thửa đất ở của ông Nguyễn Xuân T (không có tên đăng ký tại sổ Át lát lưu tại phường). Căn cứ Sổ thuế nhà đất năm 1999 và năm 2003 lưu tại phường Vinh Tân cung cấp, thì năm 1999 và năm 2003 hộ gia đình ông Nguyễn Xuân T và hộ gia đình ông Nguyễn Xuân Chiến (Con ông T, chồng bà L) nộp thuế nhà đất đối với 02 thửa đất khác nhau và diện tích đất mỗi gia đình đều phải nộp thuế trên diện tích 200m<sup>2</sup>, nhưng không xác định số thửa. Và quá trình giải quyết khiếu kiện, UBND phường Vinh Tân cũng thừa nhận, liên quan đến các thửa đất ông Nguyễn Xuân T đã khiếu nại từ năm 2010 đến nay.

Mặt khác, tại các Biên bản xác minh ngày 05/10/2021, vợ chồng ông Nguyễn Văn Báu, bà Vũ Thị Tuất; vợ chồng ông Nguyễn Ng Bình, bà Nguyễn Thị Hòa (Con bà K) là 02 gia đình có hai thửa đất liền kề gia đình ông Nguyễn Xuân T từ những năm các hộ dân đến định cư và các ông Bùi Khắc Hạ, ông Bùi Xuân Nam là những người biết nguồn gốc vùng đất, đã từng tham gia hội hiếu của phường, đều xác định; khu đất do gia đình ông Nguyễn Xuân T đến ở từ năm 1968, khai hoang sử dụng và ông T đã phân chia cho các con ở và sử dụng vùng đất làm rau màu từ trước đến nay. Năm 1985 Ban hội hiếu phường Vinh Tân có xin gia đình ông T mở đường ra nghĩa địa phía sau (Con đường hiện tại giữa thửa đất số 5 và thửa đất gia đình bà K đang sử dụng), còn trên đất có mồ mả hay không thì không rõ, vì khu đất này trước đây là vùng trũng, nên các hộ dân đến ở phải khai hoang đắp đất lên cao khoảng một mét mới sử dụng được. Hơn nữa, qua kiểm tra, xác minh thực tế trên diện tích vùng đất, hiện có các cây cối, chuồng lợn cũ của gia đình ông T đã có khuôn viên bao quanh và không nhìn thấy còn ngôi mộ nào. Tại Văn bản số 6797/STNMT-ĐDBĐVT ngày 12/11/2021 Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Nghệ An và các bản sao tờ bản đồ năm 1993 khu đất phản ánh số thửa, ký hiệu không phù hợp nhau và cũng

chưa có phê duyệt của cơ quan hoặc người có thẩm quyền. Do đó UBND phường Vinh Tân và UBND thành phố Vinh cho rằng thửa đất số 05 diện tích 250,3m<sup>2</sup> là 1 phần diện tích của thửa đất số 350 (444) và (990) diện tích 520m<sup>2</sup> là đất nghĩa địa do UBND phường Vinh Tân quản lý từ trước đến nay là không có cơ sở.

Bởi vậy, Văn bản số 42/UBND-ĐC ngày 09/4/2015 của UBND phường Vinh Tân về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T; Quyết định số: 119/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của Chủ T UBND phường Vinh Tân và Quyết định số: 8572/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Chủ T UBND thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T và ông Nguyễn Văn Th và một phần hồ sơ địa chính và một phần tờ bản đồ năm 2001 có liên quan đến thửa đất số 05, tờ bản đồ 14 phường Vinh Tân, thành phố Vinh là không có cơ sở. Vì vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L, như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về nội dung bà Lê Thị L yêu cầu Tòa án, công nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 5, **diện tích 250,3m<sup>2</sup>**, nội dung này không thuộc thẩm quyền giải quyết trong vụ án hành chính nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Buộc người bị kiện phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định.

[6] Về án phí: Buộc người bị kiện phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Lê Thị L tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; khoản 3 Điều 6, Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 38, Điều 39 Luật khiếu nại; các Điều 99, Điều 204 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L:

Hủy Văn bản số 42/UBND-ĐC ngày 09/4/2015 của UBND phường Vinh Tân về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T; hủy Quyết định số: 119/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của Chủ T UBND phường Vinh Tân và Quyết định số: 8572/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Chủ T UBND thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân T và

ông Nguyễn Văn Th; hủy một phần hồ sơ địa chính và một phần tờ bản đồ năm 2001 có liên quan đến thửa đất số 5, tờ bản đồ 14 phường Vinh Tân, thành phố Vinh.

Buộc cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

## 2. Về án phí:

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố Vinh phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả cho bà Lê Thị L số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003924 ngày 29/01/2021.

## 3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ bản sao bản án sơ thẩm./.

### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn P**